

Số: 3176 /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ
theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2286/NQ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu cấu trúc định dạng các bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 4162/ĐHQGHN-ĐT ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc đồng ý định dạng bài thi và giao tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Định dạng bài thi này được dùng trong các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ để xác định đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên bậc đại học và xét/thi tuyển sinh chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Phòng Hành chính-Tổng hợp, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, Giám đốc Trung tâm Khảo thí, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các đơn vị đào tạo (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, TTKT, T5.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Long

**ĐỊNH DẠNG BÀI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
THEO ĐỊNH HƯỚNG GIAO TIẾP NGHỀ NGHIỆP
TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3176/QĐ-ĐHNN ngày 06 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

MỤC ĐÍCH BÀI THI

Bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐGNLNN VNU) (VNU Language Test for Occupational Purposes – gọi tắt là VNU Tests) là bài thi được xây dựng để đánh giá năng lực ngoại ngữ của thí sinh đăng ký dự thi với mục đích: (1) xét chuẩn đầu ra cho sinh viên trong ĐHQGHN; (2) xét/thi tuyển sinh chương trình đào tạo bậc thạc sỹ trong ĐHQGHN. Bài thi ĐGNLNN VNU là bài thi cắt ngang với 3 bài thi độc lập: Bậc 3 (B1); Bậc 4 (B2) và Bậc 5 (C1). Nội dung và các tác vụ trong bài thi tập trung kiểm tra năng lực ngoại ngữ tổng quát và năng lực sử dụng ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp của thí sinh.

CÁC NGOẠI NGỮ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ

Hệ thống bài thi ĐGNLNN VNU (VNU Tests) bao gồm:

- Bài thi ĐGNL tiếng Anh (VNU English Test for Occupational Purposes-VNU-ETOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Nga (VNU Russian Test for Occupational Purposes-VNU-RTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Pháp (VNU French Test for Occupational Purposes-VNU-FTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Trung (VNU Chinese Test for Occupational Purposes-VNU-CTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Đức (VNU German Test for Occupational Purposes-VNU-GTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Nhật (VNU Japanese Test for Occupational Purposes-VNU-JTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Hàn (VNU Korean Test for Occupational Purposes-VNU-KTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Thái (VNU Thai Test for Occupational Purposes-VNU-TTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Lào (VNU Laotian Test for Occupational Purposes-VNU-LTOP)
- Bài thi ĐGNL tiếng Ả Rập (VNU Arabic Test for Occupational Purposes-VNU-ATOP)

CÁCH TÍNH ĐIỂM BÀI THI

- Bài thi đánh giá 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Mỗi kỹ năng được đánh giá trên thang điểm 10, lấy điểm lẻ 0,5. Trong đó:
 - ✓ Bài thi Đọc = (Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu) x 10
 - ✓ Bài thi Nghe = (Số câu trả lời đúng/ Tổng số câu) x 10
 - ✓ Bài thi Viết được chấm theo Thang điểm đánh giá.
 - ✓ Bài thi Nói được chấm theo Thang điểm đánh giá.
- Điểm kết luận = (Nghe + Đọc + Viết + Nói)/4, lấy điểm lẻ đến 0,5.
- Quy định về điểm **ĐẠT**: **6,0/10** trong đó không có kỹ năng nào dưới 2,0.

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Thí sinh được công nhận cấp Giấy chứng nhận ngoại ngữ khi đạt những điều kiện sau:

- Tham dự đầy đủ tất cả các kỹ năng, không bị kỷ luật hủy kết quả thi.
- Có điểm kết luận đáp ứng mức quy định về điểm đạt.

QUY ĐỊNH THỜI HẠN SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

- Đơn vị tổ chức thi không quy định về thời hạn sử dụng của Giấy chứng nhận.
- Thời hạn sử dụng Giấy chứng nhận do đơn vị đào tạo/tuyển dụng quy định.

LỊCH THI

- Trường ĐHNN, ĐHQGHN xây dựng kế hoạch thi theo năm học đối với đối tượng là sinh viên bậc đại học và thí sinh xét/thi tuyển sinh chương trình đào tạo bậc thạc sỹ trong ĐHQGHN.
- Kế hoạch tổ chức thi ĐGNLNN VNU sẽ được thông báo bằng văn bản gửi tới các đơn vị, các tổ chức có liên quan và đăng tải trên chuyên trang điện tử của Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

ĐỊNH DẠNG BÀI THI

1. BÀI THI ĐGNL TIẾNG ANH BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 07 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, nối biển báo/thông báo ngắn với ý nghĩa tương ứng. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu đọc hiểu trả lời Đúng – Sai tương ứng với 01 bài đọc. + Phần 4: 05 câu đọc hiểu trắc nghiệm 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 07 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn đọc thoại ngắn. + Phần 2: 07 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 02 đoạn hội thoại/đọc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/đọc thoại có 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 80 từ). + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 2: 07 câu đọc hiểu trắc nghiệm Đúng/Sai tương ứng với 01 bài đọc + Phần 3: 05 câu đọc hiểu trắc nghiệm 4 lựa chọn cho 01 bài đọc ngắn + Phần 4: 08 câu đọc hiểu trắc nghiệm 4 lựa chọn cho 01 bài đọc dài
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 07 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 09 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 180 từ)
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan chứa từ/cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 2: 11 câu đọc hiểu trắc nghiệm Đúng/Sai tương ứng với 02 bài đọc, trong đó 01 bài đọc tương ứng với 05 câu hỏi và 01 bài đọc tương ứng với 06 câu hỏi. + Phần 3: 14 câu đọc hiểu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc, trong đó 01 bài đọc tương ứng với 06 câu hỏi và 01 bài đọc tương ứng với 08 câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời)

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Số câu hỏi: 30 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 09 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi. + Phần 3: 12 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 04 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 200 từ)
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian làm bài: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 bài - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2- Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3 - Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

2. BÀI THI ĐGNL TIẾNG NGA BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bài: + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị để trình bày. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 05 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị để trình bày. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

3. BÀI THI ĐGNL TIẾNG PHÁP**BẬC 3**

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 2 lần

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bài: + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 2 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị để trình bày. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 05 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

4. BÀI THI ĐGNL TIẾNG TRUNG BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 4 chỗ trống. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 04 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 200 ký tự tiếng Trung). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 03 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 03 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài:

Kỹ năng	Miêu tả
	+ Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi
Viết	- Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 150 ký tự tiếng Trung). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 300 ký tự tiếng Trung) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	- Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2- Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị để trình bày. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	- Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 03 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 03 bài đọc, mỗi bài đọc có 3-4 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	- Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 30 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 3-4 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 2-3 câu hỏi. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 3-4 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 2-3 câu hỏi
Viết	- Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 200 ký tự tiếng Trung). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 400 ký tự tiếng Trung) về một chủ đề cho sẵn.

Kỹ năng	Miêu tả
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

5. BÀI THI ĐGNL TIẾNG ĐỨC BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 1 lần (đối với Phần 1 và 2), 2 lần (đối với Phần 3) - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ để tạo thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 dạng bài: 1. Viết thư giao dịch/ thư cá nhân/bài viết cho diễn đàn, hoặc 2. Viết văn bản theo 3 gợi ý về chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ).
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 1 lần (đối với Phần 1 và 2), 2 lần (đối với Phần 3) - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, tương ứng với 04 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 02 câu hỏi. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 02 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) theo 3 gợi ý về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 05 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Số lần nghe: 1 lần (đối với Phần 1 và 2), 2 lần (đối với Phần 3) - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, tương ứng với 05 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 02 câu hỏi. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn.
Kỹ năng	Miêu tả
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) theo 3 gợi ý về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

6. BÀI THI ĐGNL TIẾNG NHẬT BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong các bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với các bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với các đoạn độc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bài: + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 200 ký tự tiếng Nhật). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong các bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với các bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với các đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với các đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 200 ký tự tiếng Nhật). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 400 ký tự tiếng Nhật) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 01 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 01 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong các bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với các bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với các đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với các đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 240 ký tự tiếng Nhật). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 450 ký tự tiếng Nhật) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 01 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình. Thí sinh có 01 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

7. BÀI THI ĐGNL TIẾNG HÀN**BẬC 3**

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc với 05 chỗ trống. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc thí sinh trả lời 05 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu

	<ul style="list-style-type: none"> - Số lần nghe: Phần 1 và Phần 2 nghe 1 lần, Phần 3 nghe 2 lần - Dạng bài: + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 03 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: 5 câu viết lại câu với ngữ pháp tương đương cho sẵn. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (với số lượng chữ từ 300~350 chữ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc có độ dài khác nhau. Mỗi bài đọc thí sinh trả lời 05 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: Phần 1 nghe 1 lần, Phần 2 và Phần 3 nghe 2 lần - Dạng bài: + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 02 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Thí sinh chọn 1 trong 2 dạng bài email/biểu đồ/báo cáo (300 chữ tiếng Hàn). + Phần 2: Viết bài luận (khoảng 350-400 chữ tiếng Hàn) về một chủ đề cho sẵn.

Kỹ năng	Miêu tả
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 05 chỗ trống. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc có độ dài khác nhau. Mỗi bài đọc có 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: Phần 1 nghe 1 lần, Phần 2 và Phần 3 nghe 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Thí sinh chọn 1 trong 2 dạng bài email/biểu đồ/báo cáo (300 chữ tiếng Hàn) + Phần 2: Viết bài luận (khoảng 400 - 600 chữ tiếng Hàn) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

8. BÀI THI ĐGNL TIẾNG THÁI BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 5 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài:

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị để trình bày. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài: + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.

Kỹ năng	Miêu tả
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn và có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

9. BÀI THI ĐGNL TIẾNG LÀO

BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn đọc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 05 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 1 lần - Dạng bài:

Kỹ năng	Miêu tả
	<ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

10. BÀI THI ĐGNL TIẾNG Ả RẬP BẬC 3

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số câu hỏi: 25 câu - Dạng bài: + Phần 1: 12 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 08 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 25 phút (bao gồm 5 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 15 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: + Phần 1: 05 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 2: 04 câu trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu tương ứng với 01 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm khách quan 3 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn độc thoại/hội thoại ngắn.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 40 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: + Phần 1: 5 câu sắp xếp trật tự từ/chữ/ký tự để thành câu hoàn chỉnh. + Phần 2: Viết đoạn văn theo chủ đề cho sẵn (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 chủ đề.

Kỹ năng	Miêu tả
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 8 phút/thí sinh - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Thí sinh trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 4

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 45 phút - Số câu hỏi: 30 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 05 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 01 bài đọc. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 30 phút (bao gồm 6 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 20 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 08 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 06 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 100 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày quan điểm, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.

BẬC 5

Kỹ năng	Miêu tả
Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 50 phút - Số câu hỏi: 35 câu - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 15 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn kiểm tra từ vựng, ngữ pháp. + Phần 2: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn chứa từ/cụm từ điền vào chỗ trống trong 01 bài đọc. + Phần 3: 10 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 bài đọc. Mỗi bài đọc có 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi.
Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ~ 35 phút (bao gồm 7 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời) - Số câu hỏi: 25 câu - Số lần nghe: 2 lần - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: 10 câu trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, mỗi câu tương ứng với 01 đoạn hội thoại/độc thoại ngắn. + Phần 2: 09 câu trắc nghiệm khách quan Đúng/Sai tương ứng với 03 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn. Mỗi hội thoại/độc thoại có 03 câu hỏi. + Phần 3: 06 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn tương ứng với 02 đoạn hội thoại/độc thoại dài hơn, trong đó mỗi đoạn hội thoại/độc thoại tương ứng với 03 câu hỏi.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 60 phút - Số phần: 2 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1: Viết theo gợi ý (tối thiểu 120 từ). Thí sinh lựa chọn 1 trong 2 đề bài dưới dạng email/báo cáo/mô tả. + Phần 2: Viết bài luận (tối thiểu 200 từ) về một chủ đề cho sẵn.
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 10 phút/thí sinh - Số phần: 3 - Dạng bài: <ul style="list-style-type: none"> + Phần 1- Tương tác xã hội: Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. + Phần 2 - Nói theo gợi ý: Thí sinh được yêu cầu trình bày về một chủ đề dựa trên 3 gợi ý cho sẵn. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. + Phần 3- Thảo luận chủ đề: Thí sinh chọn 1 trong 2 chủ đề cho sẵn để trình bày. Thí sinh có 1 phút chuẩn bị. Sau khi thí sinh kết thúc phần trình bày, giám khảo có thể hỏi 1-2 câu hỏi phụ liên quan tới chủ đề.